

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07-7-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Đạo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

2. Ông Nguyễn Minh Trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Anh - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số X đường X1, Tổ X2, Khu phố X3, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương; (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số X đường X1, Tổ X2, Khu phố X3, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương; (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L trình bày:*

Ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Ngọc N kết hôn vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PC, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số X4, quyển số 02/2003. Thời gian đầu chung sống vợ chồng rất thương yêu nhau, quan tâm lo lắng cho nhau. Tuy nhiên, sau đó lại phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn được. Ông L xác định thực tế cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc hơn 02 năm nay, do hai bên không có tiếng nói chung, không còn yêu thương nhau nữa. Vợ chồng thường xuyên cãi vã thậm chí có lúc xô xát nhau. Bà N có hành vi si nhục ông trong nhà và cả bên ngoài, xem thường ông. Ông L thừa nhận trong quãng thời gian vợ chồng xích mích thì có tình

cảm với người khác nhưng chỉ dừng lại ở mức độ cảm mến nhau chứ chưa chung sống như vợ chồng hay làm gì có lỗi với gia đình. Bản thân ông tự thấy là sai nên đã chấm dứt từ năm 2022. Đến thời điểm ông nộp đơn ly hôn thì đã không còn chung sống với Bà N nữa, ông bà đã không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Do tình cảm vợ chồng đã không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Ngọc N.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Phạm Khánh H, sinh ngày 02/8/2004, Nguyễn Phạm Khánh N1, sinh ngày 27/10/2009, Nguyễn Phạm Khánh V, sinh năm 12/6/2014, Nguyễn Phạm Phúc K, sinh ngày 03/11/2018. Ông L đề nghị giao con chung tên Nguyễn Phạm Phúc K, sinh ngày 03/11/2018 và Nguyễn Phạm Khánh V, sinh năm 12/6/2014 cho bà Phạm Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Khánh N1, sinh ngày 27/10/2009. Do con chung Nguyễn Phạm Khánh H, sinh ngày 02/8/2004 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vấn đề cấp dưỡng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 05/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Ngọc N bày:*

Bà N thống nhất với lời trình bày của Ông L về thời gian kết hôn, con chung. Tuy nhiên, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý. Bởi vì cuộc sống vợ chồng của ông bà không có mâu thuẫn gì quá lớn dẫn đến phải ly hôn, gia đình đã có 04 con chung, hiện còn một cháu rất nhỏ (sinh năm 2018). Suốt 19 năm qua gia đình ông bà sống rất hạnh phúc, bà luôn làm tròn bổn phận của người vợ, người mẹ. Bà xác định vẫn còn rất yêu thương chồng con và mong muốn gia đình sum vầy. Có thể chỉ vì một chút nông nổi mà Ông L yêu cầu ly hôn dẫn đến gia đình chia rẽ nên bà mong muốn được đoàn tụ. Ngoài ra, các con chung còn nhỏ, không thể sống thiếu cha hoặc mẹ. Vì vậy bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 31/01/2023, Bà N nộp đơn yêu cầu phản tố đề nghị chia đôi tài sản chung là thửa đất số 924, tờ bản đồ 22, có diện tích 353m<sup>2</sup> tọa lạc tại phường VT, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB2026XX do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp ngày 09/4/2010. Bà N yêu cầu được nhận hiện vật với diện tích là 176,5m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất thổ cư).

Ngày 22/5/2023, bị đơn rút yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung. Bị đơn xác định rằng nguyên nhân bà nộp đơn phản tố chỉ mong muốn kéo dài thời gian để Ông L suy nghĩ lại mà quay về với vợ con, chứ không có ý muốn chia tài sản với Ông L. Đối với những vấn đề khác về con chung thì bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về con chung, đề nghị giao 03 con chung cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng không đề nghị giải quyết.

Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình điều tra, việc thu thập

chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị khắc phục vi phạm.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có không cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện về ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn bà Phạm Ngọc N. Bị đơn có nơi cư trú tại phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Ngọc N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 02/2003 nên quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Ông Nguyễn Tấn L yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Ngọc N vì cho rằng trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, có nhiều xung đột, mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn được. Ông L xác định thực tế cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc hơn 02 năm nay, do hai bên không có tiếng nói chung, không còn yêu thương nhau nữa. Vợ chồng thường xuyên cãi vã thậm chí có lúc xô xác nhau. Bà N có hành vi sỉ nhục ông trong nhà và cả bên ngoài. Bà Phạm Ngọc N xác định rằng cuộc sống vợ chồng của ông bà không có mâu thuẫn gì quá lớn dẫn đến phải ly hôn, gia đình đã có 04 con chung, hiện còn một cháu rất nhỏ (sinh năm 2018). Suốt 19 năm qua gia đình ông bà sống rất hạnh phúc, bà luôn làm tròn bổn phận của người vợ, người mẹ. Bà xác định vẫn còn rất yêu thương chồng con và mong muốn gia đình đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, chăm lo con chung. Bản thân Ông L xác định nguyên nhân mâu thuẫn đã trầm trọng nhưng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho ý kiến này, đồng thời qua xác minh tại nơi cư trú thể hiện, địa phương không nhận được bất cứ đơn thư nào phản ánh về việc mâu thuẫn gia đình của ông bà. Bản thân Ông L thừa nhận trong quãng thời gian vợ chồng xích mích thì có tình cảm với người khác nhưng chỉ dừng lại ở mức độ cảm mến nhau chứ chưa chung sống như vợ chồng hay làm gì có lỗi với gia đình. Bản thân ông tự thấy là sai nên đã chấm dứt từ năm 2022. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của ông, bà chưa đến mức trầm trọng, có khả năng hàn gắn. Vì thế yêu cầu ly hôn của Ông L là không có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do yêu cầu ly hôn không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

[3] Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Ngày 13/02/2023, Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tranh chấp tài sản chung là thửa đất số 924, tờ bản đồ 22, có diện tích 353m<sup>2</sup> tọa lạc tại phường VT, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB2026XX do UBND huyện (nay là thành phố) T cấp ngày 09/4/2010. Tuy nhiên, ngày 22/5/2023, Bà N rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung. Nhận thấy việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phản tố theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Đối với lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn L đối với bà Phạm Ngọc N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**2.** Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Phạm Ngọc N về việc tranh chấp tài sản chung khi ly hôn.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tấn L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002022 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho bà Phạm Ngọc N số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002381 ngày 08/02/2023.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Đạo**